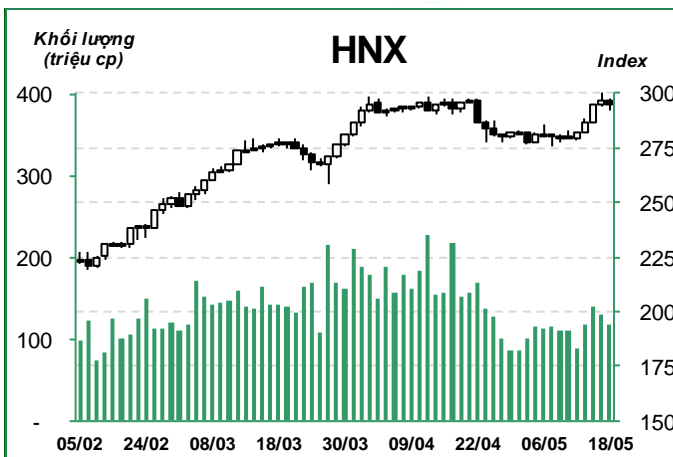
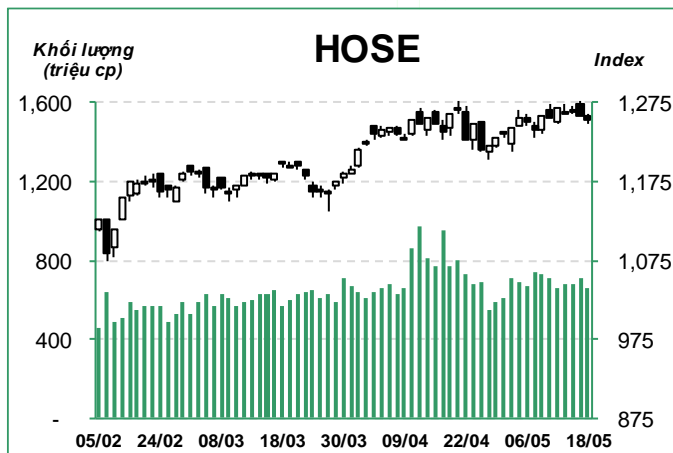


## Tổng quan thị trường

18/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,252.68</b>	<b>-0.48%</b>	<b>1,378.59</b>	<b>0.53%</b>	<b>294.64</b>	<b>-0.73%</b>
Cuối tuần trước	1,266.36	-1.08%	1,380.02	-0.10%	294.72	-0.03%
Trung bình 20 ngày	1,246.84	0.47%	1,333.02	3.42%	284.17	3.68%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>692.48</b>	<b>-8.68%</b>	<b>259.25</b>	<b>-4.65%</b>	<b>123.23</b>	<b>-37.08%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>661.24</b>	<b>-6.32%</b>	<b>252.83</b>	<b>-0.70%</b>	<b>119.03</b>	<b>-7.61%</b>
Trung bình 20 ngày	676.36	-2.24%	247.28	2.24%	115.44	3.11%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>21,011.90</b>	<b>-7.94%</b>	<b>12,405.54</b>	<b>-5.75%</b>	<b>2,504.45</b>	<b>-42.09%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>19,814.57</b>	<b>-4.64%</b>	<b>12,054.48</b>	<b>-2.91%</b>	<b>2,435.82</b>	<b>-10.99%</b>
Trung bình 20 ngày	18,745.34	5.70%	11,322.83	6.46%	2,260.09	7.78%
		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>
<b>Số mã tăng</b>	143	31%	11	37%	103	28%
<b>Số mã giảm</b>	274	59%	18	60%	120	33%
<b>Số mã đứng giá</b>	46	10%	1	3%	145	39%



Thị trường có diễn biến giao dịch giằng co trong nửa đầu phiên giao dịch trước khi đảo chiều giảm trở lại vào cuối phiên sáng sau khi có thông tin về ca nhiễm mới bất ngờ tại TP. Hồ Chí Minh. Mặc dù áp lực bán lan tỏa đến phần lớn các nhóm ngành trên sàn, lực cầu mạnh ở một vài trụ cột lớn, đặc biệt là nhóm thép, ngân hàng và dầu khí giúp chỉ số không bị giảm sâu.

Trên sàn HoSE ghi nhận diễn biến trái chiều của các chỉ số chính với VN-Index tiếp tục giảm điểm trong khi VN30 lấy lại sắc xanh. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1,252.68 điểm (-0.48%), với KLGĐ khớp lệnh đạt 661.2 triệu cổ phiếu (-6.3%), tương đương 19,815 tỷ đồng giá trị (-4.6%). Độ rộng thị trường vẫn đang nghiêng nhiều hơn về chiều hướng tiêu cực với 274 mã giảm/143 mã tăng.

Nhóm cổ phiếu BĐS dẫn đầu là bộ ba họ nhà "Vin" với Vingroup-VIC (-2.4%), Vinhomes-VHM (-1.9%), Vincom Retail-VRE (-2.3%) là tác nhân chính cho đà giảm điểm của VN-Index. Ngoài ra, lực bán ở ạt cũng khiến nhiều nhóm ngành giảm sâu đáng chú ý như nhóm xây dựng, BĐS khu công nghiệp, dệt may, phân bón. Ở chiều ngược lại, nhóm thép có tín hiệu khởi sắc với đà dẫn dắt của Hòa Phát-HPG (+2.4%) cùng các cổ phiếu khác trong nhóm như Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+2.5%) hay Thép Nam Kim-NKG (+3.0%). Bên cạnh đó, một số cổ phiếu ngân hàng như VPBank-VPB (+2.1%), Sacombank-STB (+5.2%), Techcombank-TCB (+1.0%) cũng tăng điểm hỗ trợ chỉ số.

Áp lực bán ròng của khối ngoại đã suy yếu so với những phiên trước khi chỉ còn đạt giá trị 650.2 tỷ đồng (-48.1%). Trong đó, dẫn đầu ở chiều bán ròng vẫn là những cái tên quen thuộc như VPBank-VPB (-135.6 tỷ), Vingroup-VIC (-125.8 tỷ) hay Vinamilk-VNM (-87.9 tỷ). Trái lại, Sacombank-STB (+35.0 tỷ),

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
IJC	3,258.6	82.44
GEX	3,213.4	80.66
TPB	2,200.0	69.97
VPB	1,120.0	69.45
VCG	1,467.0	68.43
PDR	960.5	64.93
PNJ	654.6	61.41
PAC	1,500.0	49.50
CTF	2,207.6	40.40
CTG	500.0	23.29
<b>HNX</b>		
DDG	600.0	19.02
AMV	990.1	9.90
AAV	550.0	8.25
TAR	360.0	6.84
VCS	65.2	5.27
CET	826.9	4.47
VC3	217.0	4.38
SHB	115.1	3.75
VC7	217.0	3.15
MKV	66.0	2.11

Đồng Hải Bến Tre-DHC (+26.6 tỷ), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+24.0 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa giảm nhẹ tại mức 294.64 điểm (-0.73%). KLGĐ khớp lệnh đạt 119.0 triệu cổ phiếu (-7.6%), tương đương 2,435.8 tỷ đồng giá trị (-11.0%).

Trong đó, nhóm ngân hàng là tác nhân chính khiến HNX-Index chầm dứt đà tăng điểm trong phiên hôm nay khi Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.3%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-3.9%) hay Ngân hàng Bắc Á-BAB (-1.2%) đồng loạt giảm điểm. Mặc dù vậy, tín hiệu giảm điểm chưa thực sự tiêu cực khi khối lượng giao dịch không tăng so với những phiên trước. Ở chiều ngược lại, đà giảm của chỉ số HNX-Index được thu hẹp đi phần nào bởi mức tăng khá ấn tượng của một vài cổ phiếu đơn lẻ như Dầu khí PTSC-PVS (+3.8%), Idico-IDC (+2.7%), Chứng khoán MB-MBS (+7.4%), Nhựa Tiên Phong-NTP (+4.7%).

Khối ngoại gia tăng áp lực bán ròng trên sàn HNX với giá trị 82.6 tỷ đồng (+109.8%). Trong đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Chứng khoán VNDIRECT-VND (-87.3 tỷ), Chứng khoán MB-MBS (-1.6 tỷ), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-0.6 tỷ). Trái lại, khối ngoại mua ròng chủ yếu các cổ phiếu như Vicostone-VCS (+4.1 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+2.5 tỷ) và Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+0.4 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch ở mức dưới bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Thêm vào đó, chỉ số vẫn giữ trên MA20, cùng với +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng chính của chỉ số vẫn là tăng điểm, phiên giảm điểm vừa qua mới dừng lại ở tín hiệu rũ bỏ kỹ thuật, với hỗ trợ quanh vùng 1,248 – 1,250 điểm (MA20). Tuy nhiên, chỉ số đóng cửa dưới MA5, cùng với MACD cho tín hiệu suy yếu xuống dưới Singal, cho thấy áp lực điều chỉnh đang gia tăng. Do đó, trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được trên vùng hỗ trợ quanh MA20, thì xu hướng tăng ngắn hạn có thể thay đổi. Vì vậy, nhà đầu tư nên tiếp tục giữ trạng thái quan sát thị trường và hạn chế mua đuổi giá ở thời điểm hiện tại. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index cũng có phiên giảm điểm. Mặc dù vậy, chỉ số vẫn duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cho thấy xu hướng chính vẫn là tăng điểm, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật với hỗ trợ quanh 285 điểm (MA20). Nhìn chung, phiên giảm điểm 18/05 mới dừng lại ở tín hiệu rũ bỏ kỹ thuật, xu hướng chính của thị trường vẫn là tăng. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BMI	31.5	2,522.0	7.0%
AGM	29.4	479.9	6.9%
VPG	37.2	1,045.1	6.9%
ADS	17.1	1,053.8	6.9%
DXV	5.5	22.2	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FUCVREIT	17.4	21.1	-7.0%
CIG	6.5	15.8	-6.9%
TGG	5.3	866.2	-6.9%
VID	10.9	46.0	-6.9%
RDP	8.5	4.5	-6.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	63.4	2,477.6	2.4%
VPB	67.2	2,082.3	2.1%
STB	27.3	1,182.2	5.2%
CTG	46.6	845.4	-0.4%
TCB	48.4	813.6	1.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	27.3	44,745.2	5.2%
ROS	7.1	39,318.8	-6.5%
HPG	63.4	39,146.3	2.4%
VPB	67.2	31,765.7	2.1%
FLC	12.5	23,922.9	1.2%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ALT	13.4	0.1	9.8%
THS	42.7	4.0	9.8%
HHG	4.5	919.0	9.8%
PDC	6.8	9.5	9.7%
MHL	4.7	190.9	9.3%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VDL	17.6	0.2	-9.7%
SDU	8.6	6.0	-9.5%
GDW	23.7	1.4	-9.2%
L43	5.2	4.7	-8.8%
QHD	32.6	0.1	-8.4%

#### Top 5 giá trị

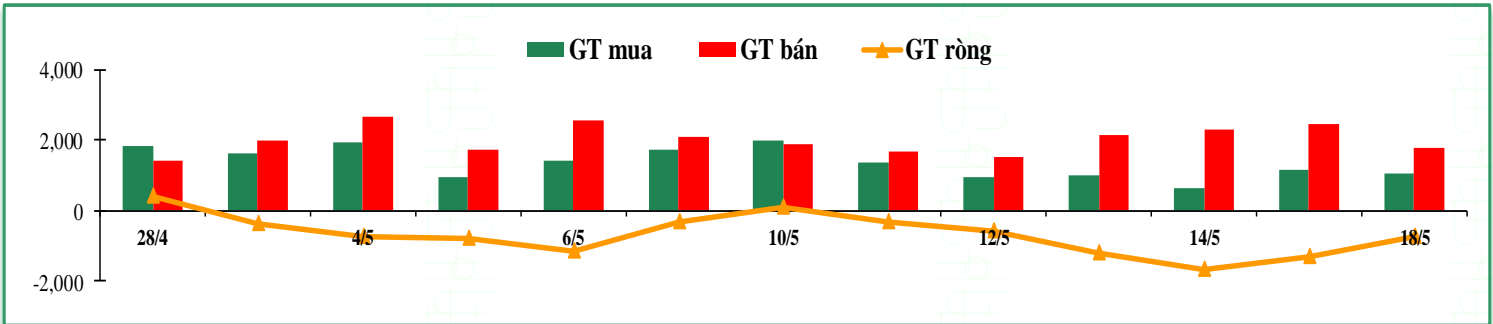
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.3	704.2	-1.3%
VND	41.1	249.7	0.7%
THD	192.6	242.5	-1.0%
SHS	30.1	222.2	-0.3%
PVS	21.8	160.6	3.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.3	24,382.8	-1.3%
PVS	21.8	7,516.3	3.8%
SHS	30.1	7,331.5	-0.3%
QBS	4.0	6,510.8	5.3%
KLF	5.6	6,340.6	-1.8%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,030.0	4.9%	1,680.3	8.0%	-650.2
HNX	11.6	0.5%	94.2	3.8%	-82.6
<b>Tổng số</b>	<b>1,041.6</b>		<b>1,774.4</b>		<b>-732.8</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	63.4	131.5	2.4%
VHM	98.9	85.9	-1.9%
CTG	46.6	74.7	-0.4%
HDB	30.6	66.8	-1.8%
PNJ	93.5	64.5	-0.5%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	121.0	187.3	-2.4%
VPB	67.2	143.5	2.1%
HPG	63.4	141.6	2.4%
CTG	46.6	105.3	-0.4%
VNM	87.0	93.8	-0.2%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	27.3	35.0	5.2%
DHC	101.4	26.6	-0.3%
HSG	38.5	24.0	2.5%
LPB	23.0	14.5	0.9%
GMD	37.8	11.9	0.8%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	89.9	4.1	0.2%
NTP	37.5	2.5	4.7%
SHS	30.1	0.5	-0.3%
VND	41.1	0.4	0.7%
S99	19.0	0.4	-5.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	41.1	87.7	0.7%
MBS	23.2	1.6	7.4%
PAN	24.8	0.7	-2.0%
SCI	40.0	0.6	-4.3%
NVB	17.2	0.6	-3.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	89.9	4.1	0.2%
NTP	37.5	2.5	4.7%
SHS	30.1	0.4	-0.3%
S99	19.0	0.4	-5.0%
PVL	3.8	0.3	8.6%

## Tin trong nước

### Doanh nghiệp FDI tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng xuất khẩu

Số liệu vừa được Tổng cục Hải quan công bố cho thấy, trong 4 tháng đầu năm 2021, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 208,25 tỷ USD, tăng 30,7% với cùng kỳ năm trước.

Đáng chú ý, trong mức tăng trưởng chung, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt với tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 145,97 tỷ USD, tăng 34,8% so với cùng kỳ năm 2020.

### ĐIỂM DANH NHỮNG MẶT HÀNG XUẤT KHẨU TỶ USD

Trong 4 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện tiếp tục dẫn đầu, đạt 18,19 tỷ USD, tăng 18,2%. Tiếp đến, máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 15,85 tỷ USD, tăng 30,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác xếp thứ ba với 12,17 tỷ USD, tăng mạnh 79,4%. Đáng chú ý, xuất khẩu nhóm hàng này sang ba thị trường đứng đầu đều tăng rất cao trong 4 tháng qua.

Hàng dệt may đứng ở vị trí thứ tư với giá trị xuất khẩu đạt 9,66 tỷ USD, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường nhập khẩu hàng dệt may lớn nhất từ Việt Nam.

Trong 4 tháng qua, sắt thép cũng đứng trong nhóm những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao khi cán mốc 3,9 triệu tấn, tăng cao tới 50,4% so với cùng kỳ năm trước.

### NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TĂNG MẠNH

Số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong 4 tháng đầu năm 2021 tổng trị giá nhập khẩu là 103,31 tỷ USD, tăng 31,8%.

Trong đó, dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với 22,23 tỷ USD, tăng 25,8%. Đáng chú ý, Trung Quốc đã vượt Hàn Quốc trở thành thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện cho Việt Nam.

Tiếp đến là nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, trong 4 đầu năm 2021 đạt 14,75 tỷ USD, tăng 31,2% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với nhóm mặt hàng nguyên phụ liệu dệt may, da, giày, trong 4 tháng qua, tổng trị giá nhập khẩu của nhóm hàng này đạt 8,39 tỷ USD, tăng mạnh 22%.

Về điện thoại các loại và linh kiện, nhập khẩu nhóm hàng này trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 6,16 tỷ USD, tăng 47,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn là 2 thị trường chính cung cấp điện thoại các loại và linh kiện cho Việt Nam.

Trong 4 tháng qua, lượng sắt thép các loại nhập khẩu đạt hơn 5 triệu tấn, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước, với trị giá nhập khẩu là 3,73 tỷ USD, tăng 36,6%. Sắt thép các loại nhập về Việt Nam chủ yếu có xuất xứ từ 5 thị trường chính, nhưng chỉ có duy nhất thị trường Trung Quốc tăng cao, các thị trường còn lại đều giảm mạnh.

Nguồn: Cafef

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### Masan Group nâng 'room' ngoại lên 100%

Tập đoàn Masan (Masan Group, HoSE: MSN) vừa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) cho phép nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên tối đa 100% vốn điều lệ. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại là 48,40%, được giữ từ đầu năm 2017 tới nay.

Cuối năm 2020, Masan Group có 8.822 cổ đông, trong đó 7.787 cổ đông trong nước nắm giữ 780 triệu cổ phần tương ứng với 66,41%; và 1.035 cổ đông nước ngoài nắm giữ gần 395 triệu cổ phần, tương ứng với 33,59%.

Trong đó, cổ đông nước ngoài lớn nhất của Masan là SK Investment Vina I của SK Group nắm 109,9 triệu cổ phần, tương ứng tỷ lệ 9,35%. Cổ đông nước ngoài lớn thứ hai là Ardolis Investment nắm giữ 104,8 triệu cổ phần, ứng với mức sở hữu 8,93%.

### FPT chốt quyền chia cổ tức và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 25%

HDQT FPT (HoSE: FPT) thông báo ngày 2/6 là ngày chốt danh sách cổ đông trả cổ tức đợt 2 năm 2020. Theo đó, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%. Ngày thanh toán 16/6. Tổng số tiền dự chi ra khoảng 789 tỷ đồng.

Đồng thời, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 15%. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm 118,3 triệu cổ phiếu, vốn điều lệ của FPT dự kiến tăng lên gần 9.076 tỷ đồng.

FPT báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 với doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt 29.922 tỷ đồng và 5.263 tỷ đồng, tăng 7,6% và 12,8% so với năm trước. Với kết quả đó, cổ đông FPT chốt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% và cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%.

Năm 2021, FPT đặt mục tiêu doanh thu 34.720 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 6.210 tỷ đồng, lần lượt tăng 16,4% và 18% so với thực hiện trong năm 2020.

Cuối quý I, doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 7.586 tỷ đồng và 1.397 tỷ đồng, tăng lần lượt 14,4% và 22,3%. Lợi nhuận sau thuế tăng 22,8%, đạt 1.150 tỷ đồng và lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 20,8%.

### VinaCapital muốn bán 7,7 triệu cổ phiếu KDH

Vietnam Ventures Limited- đơn vị thành viên thuộc quỹ VOF (VinaCapital Vietnam Opportunity Fund) do VinaCapital quản lý, đăng ký bán 7,7 triệu cổ phiếu KDH của CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HoSE: KDH). Giao dịch dự kiến thực hiện từ 20/5 đến 18/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.

Nếu giao dịch hoàn tất, quỹ này sẽ giảm tỷ lệ sở hữu từ 5,05% về 3,67%, tương đương 20,5 triệu đơn vị và không còn là cổ đông lớn tại doanh nghiệp.

Các quỹ thuộc nhóm Dragon Capital cũng bán ròng gần 1,9 triệu cổ phiếu KDH, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 9,88%.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PVS	Mua	19/05/21	21.8	21.8	0.0%	24.5	12.4%	20.5	-6.0%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	PVT	Quan sát mua	19/05/21	16.35	19.5	Đà giảm có dấu hiệu yếu dần khi đang trong mẫu hình Tam giác + vol cạn dần -> khả năng đang về cuối mẫu hình, sẽ có cơ hội tăng trở lại nếu break được trendline (17.5-18)
2	GDT	Quan sát mua	19/05/21	52.8	58   68-70	Tín hiệu điều chỉnh tích cực với nền, vol nhỏ dần sau nền break kênh giảm -> khả năng có thể sớm tăng trở lại, cần tăng vượt 55 để xác nhận
3	MSB	Quan sát mua	19/05/21	23	25	Tín hiệu điều chỉnh về retest hỗ trợ tích cực với hai nền rút chân kèm vol thấp -> khả năng có thể sớm tăng trở lại, cần nền tăng tốt kèm vol cao trở lại để xác nhận

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	87	81.5	6.7%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	50.8	49.9	1.8%	55	10.2%	47	-6%	
3	DGC	Nắm giữ	29/04/21	66.6	60.8	9.5%	71.7	18%	58.2	-4%	
4	MWG	Mua	04/05/21	141.7	140.9	0.6%	172	22%	134.6	-4%	
5	STB	Mua	05/05/21	27.3	24.1	13.3%	30	24%	22.9	-5%	
6	IJC	Mua	06/05/21	27.4	26.25	4.4%	32.85	25%	24.8	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	CKG	Nắm giữ	07/05/21	17.75	15.5	14.5%	19.3	25%	14.9	-4%
8	SSI	Mua	13/05/21	35.25	34.8	1.3%	42	21%	33.5	-4%
9	PLC	Mua	14/05/21	24.3	25.4	-4.3%	30.6	20%	24.1	-5%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 18/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,100	0.0%	214%	27,030	35	87,000	7,421	(679)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	8,090	0.1%	439%	17,860	48	87,000	2,118	(5,972)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	5,600	-3.1%	460%	31,680	127	30,600	395	(5,205)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	40,000	-2.0%	602%	610	43	63,400	37,466	(2,534)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	1,050	10,750	7.0%	924%	13,090	127	63,400	4,217	(6,533)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	27,980	5.6%	324%	7,360	48	63,400	22,516	(5,464)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,600	5.0%	274%	14,140	49	63,400	10,760	(3,840)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	10,800	4.0%	620%	15,060	48	63,400	6,242	(4,558)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,300	3.8%	443%	29,580	83	63,400	10,802	(5,498)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,510	4.4%	254%	43,150	101	63,400	6,753	(7,757)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	1,300	7,330	13.3%	464%	51,060	86	63,400	967	(6,363)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,680	14.8%	457%	91,750	86	63,400	953	(5,727)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,170	-0.7%	161%	10,450	90	36,000	2,203	(1,967)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	4,180	-9.9%	318%	17,680	127	36,000	674	(3,506)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	7,000	-9.1%	150%	18,220	87	36,000	2,538	(4,462)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	17,300	0.8%	276%	29,120	27	33,300	17,325	25	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	9,000	7.4%	463%	49,980	49	33,300	3,687	(5,313)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,010	8.3%	151%	19,750	86	33,300	62	(2,948)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMSN2101	1,050	4,890	8.0%	366%	37,100	127	105,100	431	(4,459)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	4,780	8.1%	378%	33,520	127	105,100	163	(4,617)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	10,200	2.5%	240%	33,470	87	105,100	2,934	(7,266)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	26,300	-6.0%	119%	1,810	43	141,700	22,971	(3,329)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,400	-4.0%	100%	45,810	23	141,700	3,385	(15)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	5,050	-1.0%	110%	7,040	49	141,700	2,504	(2,546)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	9,100	-1.0%	203%	15,330	76	141,700	4,449	(4,651)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	4,900	-10.6%	158%	18,340	48	141,700	1,357	(3,543)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	10,500	-2.8%	338%	56,320	(57)	141,700	(59)	(10,559)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	7,350	-8.0%	149%	16,000	101	141,700	1,502	(5,848)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,690	2.5%	669%	106,620	24	141,700	7,860	170	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	6,000	-1.0%	500%	23,550	127	141,700	4,068	(1,932)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	2,010	42.0%	83%	1,010	132	141,700	950	(1,060)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	2,020	93.3%	84%	1,010	101	70,100	7	(2,013)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	2,020	93.3%	84%	940	132	70,100	38	(1,982)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	3,140	1.6%	85%	15,260	49	93,500	1,588	(1,552)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	6,380	-0.3%	219%	8,430	76	93,500	2,774	(3,606)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,870	-6.8%	33%	8,440	31	93,500	2,969	(901)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	4,110	1.0%	79%	19,170	49	55,500	1,910	(2,200)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	3,150	6.4%	186%	18,840	127	19,900	20	(3,130)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	7,950	5.9%	430%	63,770	9	27,300	8,153	203	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	7,660	7.4%	596%	47,590	24	27,300	7,659	(1)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	15,200	7.8%	300%	26,540	27	27,300	15,319	119	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	8,560	11.8%	756%	27,480	127	27,300	2,781	(5,779)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	9,200	8.2%	360%	27,310	17	27,300	9,318	118	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	9,100	8.3%	550%	51,400	83	27,300	4,694	(4,406)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	13,000	14.0%	225%	24,880	101	27,300	4,607	(8,393)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	27,050	3.2%	401%	20,760	73	48,350	26,444	(606)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,100	4.3%	362%	7,870	140	48,350	17,605	(5,495)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	9,400	1.1%	309%	38,560	49	48,350	6,227	(3,173)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	11,200	4.7%	286%	33,450	83	48,350	6,511	(4,689)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	11,100	5.2%	455%	21,090	101	48,350	1,785	(9,315)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,800	-7.6%	75%	45,750	90	22,200	91	(2,709)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	3,530	-9.5%	253%	21,020	127	22,200	139	(3,391)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	4,700	0.0%	71%	9,180	87	22,200	81	(4,619)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	2,680	-0.7%	123%	54,450	86	22,200	0	(2,680)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2008	1,400	2,260	-4.2%	61%	27,670	24	98,900	1,014	(1,246)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	5,000	1.6%	355%	33,830	127	98,900	115	(4,885)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	4,400	-8.7%	132%	48,420	49	98,900	1,215	(3,185)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	2,500	-10.7%	52%	16,090	17	98,900	599	(1,901)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	4,910	-5.6%	207%	51,300	83	98,900	359	(4,551)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	5,950	-7.0%	297%	13,300	87	98,900	134	(5,816)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	5,310	-8.9%	308%	40,920	86	98,900	3	(5,307)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	2,980	-2.0%	99%	25,220	24	121,000	1,428	(1,552)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	5,130	-6.7%	413%	24,900	127	121,000	159	(4,971)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	3,700	-5.1%	106%	14,340	17	121,000	2,110	(1,590)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	1,410	43.1%	28%	1,010	132	121,000	1	(1,409)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	710	-23.7%	-29%	57,580	24	113,000	108	(602)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	600	-20.0%	-45%	82,330	24	87,000	(0)	(600)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	3,090	3.0%	181%	15,700	127	87,000	0	(3,090)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,550	-2.3%	50%	28,150	49	87,000	0	(2,550)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	2,500	-3.1%	47%	24,830	31	87,000	0	(2,500)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	4,000	8.1%	170%	29,380	118	87,000	10	(3,990)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,260	31.3%	15%	920	132	87,000	0	(1,260)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	40,400	-1.0%	621%	95,790	73	67,200	41,311	911	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,300	-3.2%	428%	8,900	49	67,200	15,153	(147)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	15,350	1.0%	448%	8,870	17	67,200	15,868	518	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	16,300	-3.2%	504%	54,790	83	67,200	15,439	(861)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	12,350	-7.1%	394%	28,040	101	67,200	6,164	(6,186)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	1,400	260	-40.9%	-81%	149,090	9	30,000	0	(260)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	650	-27.8%	-57%	43,440	24	30,000	0	(650)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,970	-2.3%	59%	19,950	73	30,000	2,716	(5,254)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	3,440	-7.0%	187%	13,240	127	30,000	72	(3,368)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,700	-9.1%	50%	53,970	49	30,000	154	(2,546)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	3,110	-5.8%	139%	34,970	83	30,000	85	(3,025)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	4,820	-1.6%	61%	11,150	87	30,000	39	(4,781)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
<a href="#">TCM</a>	(New)	HOSE	102,900	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
<a href="#">STK</a>	(New)	HOSE	32,100	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
<a href="#">MSN</a>	(New)	HOSE	105,100	104,500	14/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
<a href="#">NVL</a>	(New)	HOSE	141,700	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
<a href="#">VGG</a>	(New)	UPCOM	42,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
<a href="#">NLG</a>		HOSE	36,000	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
<a href="#">KDH</a>		HOSE	36,000	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
<a href="#">VCB</a>		HOSE	94,600	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
<a href="#">ACB</a>		HOSE	36,250	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
<a href="#">TCB</a>		HOSE	48,350	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
<a href="#">GEG</a>		HOSE	16,500	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
<a href="#">BMP</a>		HOSE	57,700	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
<a href="#">VNM</a>		HOSE	87,000	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
<a href="#">CTD</a>		HOSE	54,500	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
<a href="#">DHG</a>		HOSE	96,000	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
<a href="#">PNJ</a>		HOSE	93,500	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
<a href="#">HPG</a>		HOSE	63,400	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
<a href="#">FPT</a>		HOSE	87,000	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
<a href="#">VGS</a>		HNX	22,300	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
<a href="#">SMC</a>		HOSE	41,050	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">DGW</a>		HOSE	134,100	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
<a href="#">VHC</a>		HOSE	37,950	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
<a href="#">ACV</a>		UPCOM	69,800	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
<a href="#">ANV</a>		HOSE	24,100	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
<a href="#">REE</a>		HOSE	55,500	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
<a href="#">PLX</a>		HOSE	54,000	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
<a href="#">SBT</a>		HOSE	19,900	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
<a href="#">MPC</a>		UPCOM	34,900	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
<a href="#">FMC</a>		HOSE	32,400	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
<a href="#">GVR</a>		HOSE	24,800	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
<a href="#">QNS</a>		UPCOM	38,600	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
<a href="#">VRE</a>		HOSE	30,000	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
<a href="#">MWG</a>		HOSE	141,700	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
<a href="#">GAS</a>		HOSE	82,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
<a href="#">MSH</a>		HOSE	50,200	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
<a href="#">GMD</a>		HOSE	37,800	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
<a href="#">TNG</a>		HOSE	20,100	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
<a href="#">GIL</a>		HOSE	71,600	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
<a href="#">BSR</a>		UPCOM	15,500	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
<a href="#">GTN</a>		HOSE	17,300	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
<a href="#">IMP</a>		HOSE	71,000	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
<a href="#">FRT</a>		HOSE	25,900	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
<a href="#">VHM</a>		HOSE	98,900	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
<a href="#">SAB</a>		HOSE	154,000	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
<a href="#">LHG</a>		HOSE	39,500	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
<a href="#">PHR</a>		HOSE	51,000	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
<a href="#">CTR</a>		UPCOM	72,900	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
<a href="#">POW</a>		HOSE	12,000	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.